

Bản án số: 32/2023/DS-ST.
Ngày: 18 - 4 - 2023.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Thới.

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2023/QĐST-DS ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1985; nơ cư trú: Số nhà 62, đường N, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà 61, Tổ B, khóm T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Vĩnh M, sinh năm 1948, ông Nguyễn Phúc T, sinh năm 1968 và chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 2000; cùng nơi cư trú: Số nhà 01, Tổ B, khóm Tg, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2022 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ông và bà H có quen biết nhau, nên ông có cho bà H vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Vào ngày 22/12/2021, ông cho bà H vay số tiền 200.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 06 tháng, tiền là do bà H nhận trực tiếp từ ông nhiều lần, nhưng ông không nhớ cụ thể thời gian, ông chỉ nhớ lần nhận cuối cùng là 25.000.000 đồng tại Văn phòng Công chứng T, thỏa thuận trả lãi vào ngày 22 dương lịch hàng tháng, mục đích bà H vay tiền để lo cho gia đình, việc vay tiền không có thế chấp tài sản, chỉ ký Hợp đồng vay do hai bên ký tại Văn phòng công chứng. Đến tháng 01 năm 2022, ông tiếp tục cho bà H vay thêm số tiền 35.000.000 đồng, bà cũng thỏa thuận đến ngày 22/6/2022 sẽ trả cùng số tiền vay trước, việc vay 35.000.000 đồng chỉ xác lập bằng lời nói chứ không có ký hợp đồng hay biên nhận, khi vay xong bà H không có đóng lãi và đến ngày 22/6/2022 bà H cũng không trả lại vốn theo thỏa thuận, ông có gặp bà H để yêu cầu thực hiện việc trả vốn nhưng bà H cứ hẹn mà không thực hiện. Nay ông yêu cầu bà Lê Thị Kim H cùng các thành viên gia đình gồm ông Nguyễn Phúc T (chồng bà H), bà Lê Thị Vĩnh M (mẹ chồng bà H) và chị Nguyễn Thị Mỹ T (con bà H) có trách nhiệm liên đới trả số tiền nêu trên, vì tiền bà H vay là cho chung cho gia đình, số tiền yêu cầu cụ thể gồm, tiền vốn 235.000.000 đồng; tiền lãi suất tính từ ngày 22/6/2022 đến ngày 23/8/2022 là 5.828.000 đồng (lãi suất 1,24%/tháng x 02 tháng). Tổng số tiền yêu cầu trả là 240.828.000 đồng.

Tuy nhiên, ngày 23/3/2023, ông T có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Phúc T (chồng bà H), bà Lê Thị Vĩnh M (mẹ chồng bà H) và chị Nguyễn Thị Mỹ T (con bà H). Đồng thời, yêu cầu bà Lê Thị Kim H trả số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, rút phần yêu cầu trả tổng số tiền 240.828.000 đồng như trước đây.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị buộc bị đơn trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Kim H trả tiền nợ gốc 200.000.000 đồng theo hợp đồng đã ký. Bà H có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại thành phố V; căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án

nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng và được xác định quan hệ tranh chấp là “*Hợp đồng vay tài sản*”. Đồng thời, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện bà Lê Thị Kim H có vay của ông Nguyễn Hoàng T số tiền 200.000.000 đồng là sự thật, (Hợp đồng vay tiền “Công chứng số: 14350 ngày 22/12/2021”), đây là chứng cứ không phải chứng minh được xem xét chấp nhận. Như vậy, đến thời điểm hiện tại có căn cứ chứng minh bà H còn nợ ông T số tiền 200.000.000 đồng, nên ông T kiện yêu cầu bà H trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; ông T không yêu cầu bà H tính lãi suất, nên không xem xét.

[3] Đối với ông T, ngày 23/3/2023 ông có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Phúc T, bà Lê Thị Vĩnh M và chị Nguyễn Thị Mỹ T và rút một phần yêu cầu đối với bà Lê Thị Kim H đối với số tiền 35.000.000 đồng và tiền lãi suất 5.828.000 đồng, nên vấn đề này sẽ được đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 200.000.000 đồng, nên bị đơn phải nộp án phí số tiền là 10.000.000 đồng (5% số tiền phải trả).

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có ý kiến rằng, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt các quy định của pháp luật, vụ án được đưa ra xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng T. Buộc bà Lê Thị Kim H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hoàng T số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Đình chỉ phần yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng T (nguyên đơn rút yêu cầu) đối với ông Nguyễn Phúc T, bà Lê Thị Vĩnh M và chị Nguyễn Thị Mỹ T; đình chỉ phần yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng T đối với bà Lê Thị Kim H phần yêu cầu số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi suất 5.828.000 đồng (*Năm triệu tám trăm hai mươi tám ngàn đồng*).

2. Về án phí:

- Buộc bà Lê Thị Kim H nộp 10.000.00 đồng (*Mười triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 6.020.000 đồng (*Sáu triệu không trăm hai chục ngàn đồng*) ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0001439 ngày 19/8/2022 được hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng T.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- CC THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký)

Hồ Thanh Hồng